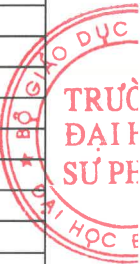


CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường
Trình độ: Đại học

Khóa: 2025
Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 1303/QĐ-ĐHSP ngày 25/6/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			41	479	136		
1	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
2	31122002	Phương pháp nghiên cứu trong khoa học tự nhiên	2	15	15		
3	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
4	31931049	Địa lý đại cương	3	45	0		
5	31141001	Toán cơ sở	4	40	20		
6	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
7	31521688	Sinh thái học	2	30	0		
8	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
9	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
10	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4)	(0)	(60)		
11	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
12	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
13	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
14	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
15	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
16	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
Học phần tự chọn			14	180	30		
17	31521051	An toàn lao động và sức khoẻ nghề nghiệp	2	30	0		
18	31521025	Khởi sự kinh doanh	2	15	15		
19	31132001	Công nghệ số cơ bản	3	30	15		
20	41232001	Tiếng Anh B1.1	3	45	0		
21	41242002	Tiếng Anh B1.2	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			9	125	10		
22	31721993	Xã hội học đại cương	2	20	10		
23	31521004	Hóa môi trường đại cương	2	30	0		
24	31534011	Cơ sở khoa học môi trường	3	45	0		
25	31528068	Trắc địa	2	30	0		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			51	877	593		
26	31531647	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường	3	45	0		
28	31528030	Quản lý hệ sinh thái đất ngập nước	2	30	0		
29	31528061	Quan trắc môi trường	2	15	30		
30	31528025	Quản lý vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên	2	15	30		
31	31528024	Giáo dục và truyền thông môi trường	2	30	0		
32	31538066	Lượng giá dịch vụ hệ sinh thái	3	30	15		
33	31528069	Quản lý đất đai	2	30	0	31521047	
34	31538018	Kỹ thuật phân tích môi trường	3	15	60		
35	31538070	Quản lý chất thải và nước thải	3	30	15		
36	31528016	Vi sinh vật môi trường	2	15	30		
37	31328024	Hóa phân tích	2	22	8		
38	31528071	Đa dạng sinh học	2	30	0		
39	31521068	Quản lí tài nguyên và môi trường biển	2	30	0		
40	31521050	Quản lí khí thải công nghiệp	2	30	0		
41	31521047	Quản lí dự án tài nguyên và môi trường	2	30	0		
42	31531037	Công nghệ môi trường đại cương	3	30	30		



43	31531003	Thực vật học	3	30	30		
44	31531002	Động vật học	3	30	30		
45	31528077	Phương pháp nghiên cứu và phân tích dữ liệu môi trường	2	15	15		
46	31431932	Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường	3	15	60		
47	31531145	Đánh giá môi trường	3	30	30	31521047	
Học phần tự chọn			31	330	210		
49	31528067	Phương pháp điều tra đa dạng sinh học	2	15	15		
50	31538078	Khoa học dữ liệu trong quản lý tài nguyên và môi trường	3	15	30		
51	31528052	Quản lý tài nguyên năng lượng	2	30	0		
52	31528032	Du lịch sinh thái	2	30	0		
53	31538029	Hệ thống ISO 14000 và kiểm toán môi trường	3	30	15		
54	31528023	Phát triển sinh kế bền vững	2	30	0		
55	31538022	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	3	30	30		
56	31538019	Viễn thám ứng dụng trong quản lý tài nguyên và Môi trường	3	15	60		
57	31538017	Độc học môi trường	3	30	30		
58	31521070	Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo tồn	2	30	0		
59	31521069	Quản lý tổng hợp vùng bờ	2	30	0		
60	31521064	Thanh tra môi trường	2	30	0		
61	31521655	Quan trắc sinh học	2	15	30		
Khối kiến thức: THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM			13	0	390		
62	31521058	Tham quan thực tế	2	0	60		
63	31541163	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120		
64	31528072	Thực tế quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng	2	0	60		
65	31528073	Thực tập trắc địa bản đồ	2	0	60		
66	31538074	Thực tế chuyên ngành	3	0	90		
Học phần tự chọn bắt buộc (phải chọn 10/20 tín chỉ)			20	75	450		
67	315108075	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	300		
68	31558076	Đồ án tốt nghiệp	5	0	150		
69	31538021	Chuyên đề biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	3	45	0		
70	31528051	Chuyên đề quy hoạch môi trường	2	30	0		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			165	1556	1579		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			110	971	889		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			20				

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khoá học).
- Học phần tiên quyết là học phần có gắn dấu *.
- Học phần song hành là học phần có gắn dấu **.

TRƯỞNG NGÀNH

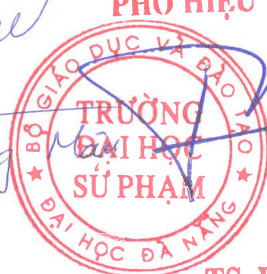
TRƯỞNG KHOA

KTHIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Diên

Trình Đăng



TS. Phan Đức Tuấn

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường
Trình độ: Đại học

Khóa: 2025
Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 1303/QĐ-ĐHSP ngày 25/6/2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước / tiên quyết / song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
	31521004	Hóa môi trường đại cương	2	30	0		
	31534011	Cơ sở khoa học môi trường	3	45	0		
	31721993	Xã hội học đại cương	2	20	10		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	31931049	Địa lý đại cương	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	13	170	25		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
	31141001	Toán cơ sở	4	40	20		
	31328024	Hóa phân tích	2	22	8		
	31521688	Sinh thái học	2	30	0		
	31528068	Trắc địa	2	30	0		
	31528073	Thực tập trắc địa bản đồ	2	0	60		
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
		Học phần tự chọn					
	31132001	Công nghệ số cơ bản	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	17	174	111		
3	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31431932	Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường	3	15	60		
	31521058	Tham quan thực tế	2	0	60		
	31531002	Động vật học	3	30	30		
	31531003	Thực vật học	3	30	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	14	105	195		
4	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	31122002	Phương pháp nghiên cứu trong khoa học tự nhiên	2	15	15		
	31528016	Vi sinh vật môi trường	2	15	30		
	31528071	Đa dạng sinh học	2	30	0		
	31531037	Công nghệ môi trường đại cương	3	30	30		
		Học phần tự chọn					
	31528067	Phương pháp điều tra đa dạng sinh học	2	15	15		
	41232001	Tiếng Anh B1.1	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	16	172	98		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	



Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước / tiên quyết / song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
5	31528077	Phương pháp nghiên cứu và phân tích dữ liệu môi trường	2	15	15		
	31531647	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường	3	45	0		
	31538018	Kỹ thuật phân tích môi trường	3	15	60		
		Học phần tự chọn					
	31538017	<i>Độc học môi trường</i>	3	30	30		
	41242002	<i>Tiếng Anh B1.2</i>	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	17	187	113		
6	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	31528061	Quan trắc môi trường	2	15	30		
	31528072	Thực tế quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng	2	0	60		
	31538066	Lượng giá dịch vụ hệ sinh thái	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	31528023	<i>Phát triển sinh kế bền vững</i>	2	30	0		
	31528052	<i>Quản lý tài nguyên năng lượng</i>	2	30	0		
	31538019	<i>Viễn thám ứng dụng trong quản lý tài nguyên và Môi trường</i>	3	15	60		
		Số tín chỉ trong kỳ	16	141	174		
7	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	31521047	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	2	30	0		
	31528024	Giáo dục và truyền thông môi trường	2	30	0		
	31528025	Quản lý vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên	2	30	0		
	31531145	Đánh giá môi trường	3	30	30	31521047	
		Học phần tự chọn					
	31521025	<i>Khởi sự kinh doanh</i>	2	15	15		
	31521051	<i>An toàn lao động và sức khoẻ nghề nghiệp</i>	2	30	0		
	31538022	<i>Kiểm soát ô nhiễm môi trường</i>	3	30	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	18	217	83		
8	31528069	Quản lý đất đai	2	30	0	31521047	
	31538070	Quản lý chất thải và nước thải	3	30	15		
	31538074	Thực tế chuyên ngành	3	0	90		
		Học phần tự chọn					
	31521655	<i>Quan trắc sinh học</i>	2	15	30		
	31538029	<i>Hệ thống ISO 14000 và kiểm toán môi trường</i>	3	30	15		
	31538078	<i>Khoa học dữ liệu trong quản lý tài nguyên và môi trường</i>	3	15	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	16	120	180		
9	31521050	Quản lý khí thải công nghiệp	2	30	0		
	31528030	Quản lý hệ sinh thái đất ngập nước	2	30	0		
	31538031	Quản lý tài nguyên và môi trường biển	2	30	0		
		Học phần tự chọn					
	31521069	<i>Quản lý tổng hợp vùng bờ</i>	2	30	0		

C V A
 ỜNG
 I HỌC
 PHẠM
 Đ L N

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước / tiên quyết / song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
	31521064	Thanh tra môi trường	2	30	0		
	31521070	Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo tồn	2	30	0		
	31528032	Du lịch sinh thái	2	30	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	14	210	0		
10	31541163	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120		
		Học phần tự chọn					
	315108075	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	300		
	31528051	Chuyên đề quy hoạch môi trường	2	30	0		
	31538021	Chuyên đề biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	3	45	0		
	31558076	Đồ án tốt nghiệp	5	0	150		
		Số tín chỉ trong kỳ	24	75	570		

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là học phần có dấu *.

TRƯỞNG NGÀNH

[Signature]
Nguyễn Thị Diên

TRƯỞNG KHOA

[Signature]
Trịnh Đăng

KT. HIỆU TRƯỞNG,
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn